TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **33** /2021/HS-ST Ngày 11-6-2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

- Ông Lại Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Hà Văn A**,** sinh năm 1969, tại thành phố B, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: tổ 6, phường D, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Trương Thị N; có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970; có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996; nhân thân: Bản án số: 86/1991/HS-ST, ngày 04-12-1991 của Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Tòa án nhân dân thành phố B) xử phạt 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày 04-12-1991 về tội *"Chứa mại dâm, môi giới mại dâm"* (đã được xóa án tích); bản án số: 163/2015/HS-ST, ngày 16-10-2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* thời hạn tù tính từ ngày 12-5-2015, được giảm án ra trại ngày 12-7-2018 (đã được xoá án tích); tiền sự: Không; tiền án: Bản án số: 16/2005/HS-ST, ngày 10-3-2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 06 (Sáu) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, thời hạn tù tính từ ngày 12-10-2004, tịch thu sung quỹ Nhà nước 40.000 đồng, phạt 7.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước và 50.000 đồng án phí (đã chấp hành

1.390.000 đồng, còn 5.700.000 đồng Chi cục thi hành án dân sự thành phố B đình chỉ miễn chấp hành theo Quyết định số: 23, ngày 27-9-2019); bị bắt tạm giữ từ ngày 24-12-2020 đến ngày 30-12-2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình cho đến nay (có mặt).

2. Bị cáo Hà Thị L; sinh ngày 11 tháng 5 năm 2001, tại thành phố B.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thành phố B, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Số nhà 20/29/02, đường T3, tổ 14, phường P1, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T2 (đã chết) và bà Hà Thị H1; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ ngày 24-12-2020 đến ngày 30-12-2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình cho đến nay (có mặt).

3. Bị cáo Nguyễn Trọng T; sinh năm 1980, tại thành phố B.

Nơi cư trú: Số nhà 02/01, ngõ 155, đường K, tổ 4, phường B1, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng S (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Y (đã ly hôn) và có 1 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số:186/HS-ST, ngày 30-9-2016 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* thời hạn tù tính từ ngày 29-6-2016, phạt tiền 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, được giảm án ra trại ngày 29-9-2018 (đã được xoá án tích), bị bắt tạm giữ từ ngày 24-12-2020 đến ngày 30-12-2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình cho đến nay(có mặt).

4. Bị cáo Dương Thị Kiều T1; sinh năm 1992, tại thành phố B.

Nơi cư trú: Tổ 4, khu 1, phường X, thành phố L2, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Số nhà 21/1/4, ngõ 155, đường K, tổ 4, phường B1, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Công H1 và bà Nguyễn Thị T4; có chồng là Đồng Mạnh T5 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 24-12-2020 đến ngày 30-12-2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn A*: Ông Phạm Văn H2 – Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Bình, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Lê Hồng C - sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện H3, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Tiến V - sinh năm 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 04, phường K1, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 19-12-2020, Hà Văn A đi ra khu vực bờ đê sông L3, thuộc phường X1, thành phố B, tỉnh Thái Bình mua của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 túi ma túy với giá 40.000.000 đồng, A đem về nhà lấy ra một ít ma túy để sử dụng cho bản thân và lấy ra 0,2370 gam ma túy bỏ vào túi để đem cho bạn gái của mình là Hà Thị L.Số ma túy còn lại A lấy cân điện tử để cân và cho số ma túy còn lại này vào 03 túi nilon, 01 túi có khối lượng 10,1133 gam, 02 túi ma túy còn lại có tổng khối lượng 59,9168 gam, buổi chiều ngày 23-12-2020 A gọi điện cho Hà Thị L đến chỗ ở của mình và đưa cho L 01 túi ma túy có khối lượng 10,1133 gam, A nói với L là nếu có khách mua thì bán túi ma túy này lấy 5.000.000 đồng, 02 túi ma túy có khối lượng 59,9168 gam A để trong hộp giấy trên kệ tivi tại phòng ngủ tầng hai mục đích để bán kiếm lời. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Nguyễn Trọng T đến phòng trọ của L ở tổ 14, phường P1, thành phố B, tỉnh Thái Bình thì gặp A ở đó, T hỏi A để mua chịu ma túy nhưng A không bán,sau đó T gọi điện cho L nói với L*"Mày mang cho tao hộp 10"*, L hiểu là T hỏi mua 10 gam ma túy đá, lúc này L không nhớ túi ma túy đá mà A đưa lúc chiều nên L trả lời T*"Làm gì có mà bán"*,thấy vậy A gọi điện cho L hỏi *"Cái túi chiều nay đưa đâu"* lúc đó L nhớ ra và cầm túi ma túy A đưa cho lúc chiều và đi từ nhà mình ở xã H, thành phố B sang phòng trọ ở tổ 14, phường P1, thành phố B, tỉnh Thái Bình để bán cho T với giá 5.000.000 đồng,do T đang đi cùng bạn gái là Dương Thị Kiều T1, nên T nói với T1 và nhờ T1 vào nhà L lấy giúp 01 túi ma túy, T1 đồng ý và gọi điện thoại cho L và nói với L*"Mang ra cổng cho tao",* L cầm túi ma túy mà A đưa lúc chiều ra cổng đưa cho T1 (T1 chưa trả tiền mua ma túy cho L), T1 cầm túi ma túy mà L vừa đưa cho đi ra đưa cho T, nhận túi ma túy T cho vào túi áo khoác ngoài bên trái của mình và cùng T1 gọi xe taxi biển số 17A-083.41 do anh Lê Hồng C, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện H3, tỉnh Thái Bình điều khiển để đi xuống nhà bạn ở huyện H3 mục đích để sử dụng túi ma túy vừa mua được của L, trên đường đi xuống huyện H3,đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 24-12-2020, khi xe taxi chở T và T1 đến khu vực đường tránh, thuộc thôn Đ1, xã M, huyện X2, tỉnh Thái Bình thì T và T1 bị Cơ quan Công an tỉnh Thái Bình yêu cầu dừng xe kiểm tra phát hiện bắt quả tang, T tự nguyện lấy từ túi áo khoác ngoài bên trái của mình đang mặc ra 01 túi ma tuý giao nộp cho Cơ quan Công an, kiểm tra người T quản lý tại túi quần bên trái phía trước đang mặc 01 điện thoại Iphone vỏ màu trắng hồng đã cũ, đã qua sử dụng và 1.000.000

đồng, kiểm tra người T1 thu tại túi áo khoác ngoài bên trái 01 điện thoại Iphone vỏ màu trắng hồng đã cũ đã qua sử dụng và 1.000.000 đồng. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, tạisố nhà 02/01, ngõ 155, đường K, tổ 4, phường B1, thành phố B, thu tại gian kho bếp 03 bình sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh,khám xét khẩn cấp chỗ ở của T1 không phát hiện thu giữ gì, khám xét khẩn cấp chỗ ở của L, tại số nhà 20/29/02, tổ 14, phường P1, thành phố B, tỉnh Thái Bình thu trên mặt bàn gần cửa sổ 01 túi nilon trong suốt có mép cài kích thước 2x2,5 cm bên trong có chứa ma tuý khối lượng 0,2370 gam (niêm phong ký hiệu M) L khai là túi ma túy đá của A cho, mục đích để bán kiếm lời,khám xét khẩn cấp chỗ ở của L, tại thôn P, xã H, thành phố B không thu giữ gì,khám xét khẩn cấp chỗ ở của A, tại tổ 6, phường D, thành phố B thu trên mặt bàn kệ tivi trong phòng ngủ tầng hai 01 hộp giấy cứng bên trong có 02 túi nilon trong suốt có mép cài đều chứa ma tuý khối lượng 59,9168 gam; 01 bình sử dụng ma túy đá; 01 cân điện tử vỏ màu trắng; 20 vỏ túi nilon trong suốt; 01 điện thoại Samsung và 01 điện thoại Nokia; thu trong ngăn tủ quần áo phòng ngủ tầng hai 01 khẩu súng hơi nhãn hiệu Fxairguns kích thước 20x90 cm, 07 viên đạn chì và 13.700.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã tiến hành giám định với các vật chứng thu giữ được như sau:

- Bản kết luận giám định số: 464/KLGĐMT-PC09, ngày 25-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Trọng T, kết luận: *"Mẫu vật trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 10,1133 gam"*.

- Bản kết luận giám định số: 465/KLGDMT-PC09, ngày 25-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với vật chứng thu giữ tại chỗ ở của Hà Văn A, kết luận: *"Mẫu vật trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 59,9168 gam"*.

- Bản kết luận giám định số: 468/KLGDMT-PC09, ngày 25-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với vật chứng thu giữ tại chỗ ở của Hà Thị L, kết luận: *"Mẫu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2370 gam"*.

- Bản kết luận giám định số: 49/C09-P3, ngày 15-01-2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Khẩu súng có nhãn hiệu *"Fxairguns"* gửi giám định là súng hơi cỡ nòng 5,5 mm, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng. 07 viên đạn kim loại gửi giám định là đạn chì cỡ 5,5 mm, thuộc đạn súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSTB, ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Hà Văn A về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm

2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự), truy tố bị cáo Hà Thị L về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng T và Dương Thị Kiều T1 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo A, L, T và T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn A và Hà Thị L phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng T và Dương Thị Kiều T1 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Văn A từ 17 (mười bảy) năm đến 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-12-2020, phạt bổ sung bị cáo A từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Thị L từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-12-2020, phạt bổ sung bị cáo L từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm g, khoản 2, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-12-2020, phạt bổ sung bị cáo T từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm g, khoản 2, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thị Kiều T1 từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-12-2020, phạt bổ sung bị cáo T1 từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về xử lý vật chứng của vụ án, án phí, quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn A trình bày lời bào chữa, nhất trí về tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị áp dụng với bị cáo A, bị cáo A có thời gian tham gia quân đội và khai báo thành khẩn, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo A hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã đề nghị, bị

cáo A nhất trí với lời bào chữa của Luật sư bào chữa không bổ sung gì. Các bị cáo L, T và T1 không có ý kiến gì với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

Các bị cáo A, L, T và T1 nói lời sau cùng, các bị cáo đều biết hành vi của mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 15 giờ ngày 19-12-2020, tại khu vực bờ đê sông L3, thuộc phường X1, thành phố B, tỉnh Thái Bình, bị cáo Hà Văn A mua của một người đàn ông mà bị cáo A không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này 01 túi ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 70,2671 gam với giá 40.000.000 đồng. Bị cáo A đem túi ma túy này về nhà lấy ra một ít sử dụng, còn lại bị cáo A đem chia thành 04 túi, bị cáo A cho bị cáo L 01 túi ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,2370 gam để bị cáo L bán kiếm lời, đến chiều ngày 23-12-2020, bị cáo A lại đưa cho L 01 túi ma túy có khối lượng 10,1133 gam ma túy loại Methamphetamine để bán kiếm lời, 02 túi ma túy loại Methamphetamine còn lại có tổng khối lượng 59,9168 gam bị cáo A để trong hộp giấy trên kệ tivi ở trong phòng ngủ tầng hai tại chỗ ở của mình mục đích để bán kiếm lời. Đến khoảng 22 giờ ngày 23-12-2020, bị cáo L được bị cáo A gọi điện để mang gói ma túy ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 10,1133 gam để bán cho các bị cáo T và T1 với giá 5.000.000 đồng (nhưng các bị cáo T và T1 chưa trả tiền) các bị cáo T và T1 mang số ma túy mua được này xuống huyện H3 với mục đích để sử dụng cho bản thân, trên đường đi đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 24-12-2020 khi đi đến khu vực đường tránh thuộc thôn thôn Đ1, xã M, huyện X2, tỉnh Thái Bình thì các bị cáo T và T1 bị Cơ quan Công an tỉnh Thái Bình bắt quả tang, thu giữ của các bị cáo T và T1 01 gói ma túy loại Methamphetamine khối lượng 10,1133 gam,tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo L thu 01 túi ma tuý loại Methamphetamine khối lượng 0,2370 gam, khám xét chỗ ở của bị cáo A 02 túi ma tuý loại Methamphetamine có tổng khối lượng 59,9168 gam mục đích để bán kiếm lời. Do đó, khối lượng ma tuý làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối

với các bị cáo trong vụ án này cụ thể là: Bị cáo A phải chịu trách nhiệm hình sự với số ma tuý loại Methamphetamine có khối lượng 70,2671 gam,bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự với số ma túy Methamphetamine có khối lượng 10,3505 gam, các bị cáo T và T1 cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với số ma túy Methamphetamine có khối lượng 10,1133 gam. Hành vi của các bị cáo Hà Văn A, Hà Thị L, Nguyễn Trọng T, Dương Thị Kiều T1 đã thực hiện được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 02 giờ 00 phút, ngày 24-12-2020 tại trụ sở Ủy ban nhân dân thôn Đ1, xã M, huyện X2, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 07 đến số 12); Các biên bản quản lý niêm phong vật chứng và đồ vật, tài liệu; Biên bản kiểm tra và quản lý điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 24-12-2020 (Bút lục từ số 13 đến số 17; từ số 25 đến số 28; số 37, 38 và số 40); Các biên bản khám xét khẩn chỗ ở của Nguyễn Trọng T, Hà Văn A, Hà Thị L do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 24-12-2020 (Bút lục số 19, 20; số 23, 24; số 35, 36); Bản kết luận giám định số: 464/KLGĐMT-PC09 ngày 25-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Trọng T (Bút lục số 49); Bản kết luận giám định số: 465/KLGDMT-PC09 ngày 25-12-2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với vật chứng thu giữ tại chỗ ở của Hà Văn A (Bút lục số 53); Bản kết luận giám định số: 468/KLGDMT-PC09 ngày 25-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với vật chứng thu giữ tại chỗ ở của Hà Thị L (Bút lục số 57); Bản kết luận giám định số: 49/C09-P3 ngày 15-01-2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đối với mẫu vật dạng khẩu súng và 07 viên kim loại thu giữ tại chỗ ở của Hà Văn A (Bút lục số 60); Lời khai của những người chứng kiến: Anh Lê Hồng C, sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã Tây G, huyện H3, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 329 đến số 334) và của anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1973, trú tại tổ 4, Tổ 04, phường K1, thành phố B, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 325 đến số 328). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo A và L đã thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo A) và điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo L). Hành vi của các bị cáo T và T1 đã thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)…

…

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a)...

...

b) Heroine, cocaine, Methamphetamin, Amphetamine, MDMA hoặc XLR 11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a)...

...

g) Heroine, cocaine, Methamphetamin, Amphetamine, MDMA hoặc XLR 11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

3. ...

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn A là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Hà Thị L là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Trọng T và Dương Thị Kiều T1 là nghiêm trọng, các bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Xét về tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra Hội đồng xét xử thấy rằng ma túy đang làm gia tăng tội phạm, bạo lực, vắt cạn kiệt nhân lực, tài chính, hủy diệt những tiềm năng quý báu lẽ ra phải được huy động cho phát triển kinh tế - xã hội, ma túy đang làm suy thoái nhân cách phẩm giá, tàn phá cuộc sống yên vui của gia đình, nguy hiểm hơn ma túy còn là tác nhân của

căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS phát triển. Do đó, cần phải áp dụng điểmb khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự để xét xử đối với bị cáo A, áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo L và áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự để xét xử đối với các bị cáo T và T1, áp dụng Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng trừng trị đối với các bị cáo và qua đó giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo A và L cùng cố ý thực hiện tội phạm *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, các bị cáo T và T1 cùng cố ý thực hiện tội phạm *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy, bị cáo A và bị cáo T là người chủ mưu, cầm đầu, nên bị cáo A và bị cáo T có vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo L và bị cáo T1 là người giúp sức, nên bị cáo L và bị cáo T1 có vai trò thứ hai trong vụ án. Do đó, cần phải áp dụng Điều 17 và Điều 58 để xét xử đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, nên bị cáo A phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo L, T và T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hà Văn A, Hà Thị L, Nguyễn Trọng T và Dương Thị Kiều T1 thành khẩn khai báo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo Hà Văn A có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự để phạt tiền đối với các bị cáo T và T1 và áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo A và L.

[6] Về nguồn gốc số ma túy là Methamphetamine mà bị cáo A khai mua của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ tại bờ đê sông L3, thuộc phường X1, thành phố B, tỉnh Thái Bình nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình không có căn cứ để xử lý đối với người đã bán ma túy cho bị cáo A.

[7] Trong vụ án này, khi tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo A, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình còn thu giữ được trong tủ quần áo tại phòng ngủ của Hà Văn A 01 khẩu súng hơi nhãn hiệu Fxaiguns và

07 viên đạn thuộc đạn súng săn, mục đích bị cáo A sử dụng súng để săn bắn chim. Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đối với khẩu súng và 07 viên đạn kể trên không phải là vũ khí quân dụng, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hà Văn A bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng và tịch thu tiêu hủy đối với khẩu súng hơi nhãn hiệu Fxaiguns và 07 viên đạn là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết đối với khẩu súng hơi nhãn hiệu Fxaiguns và 07 viên đạn này.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số: 468 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật số: 465 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số: 468 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, 04 bình sử dụng ma túy đá, 01 cân điện tử vỏ màu trắng, 20 vỏ túi nilon và 01 hộp giấy cứng màu trắng đỏ, là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại Samsung màu xanh đen đã cũ và 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ quản lý của bị cáo A,01 điện thoại Samsung màu xanh đen đã cũ mặt kính bị vỡ quản lý của bị cáo L, 01 điện thoại Iphone vỏ màu trắng hồng thu của bị cáo T, 01 điện thoại Iphone 6s màu trắng hồng đã cũ thu của bị cáo T1, cả 05 chiếc điện thoại này các bị cáo sử dụng để L lạc với nhau để mua bán ma tuý, là vật chứng của vụ án, cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.Đối với số tiền 13.700.000 đồngquản lý của bị cáo A, xét thấy nguồn gốc của số tiền này là do bị cáo A lao động mà có, nên cần trả lại cho bị cáo A nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo A. Đối với số tiền 1.000.000 đồng quản lý của bị cáo T, xét thấy nguồn gốc của số tiền này là do bị cáo T lao động mà có, nên cần trả lại cho bị cáo T, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T. Đối với số tiền 1.000.000 đồng quản lý của bị cáo T1, xét thấy nguồn gốc của số tiền này là do bị cáo T1 lao động mà có, nên cần trả lại cho bị cáo T1, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T1.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo A, L, T và T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Văn A và bị cáo Hà Thị L phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T và bị cáo Dương Thị Kiều T1 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hà Văn A 18 (mười tám) năm tù,thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2020. Phạt tiền bị cáo Hà Văn A 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm i khoản 2 và khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hà Thị L 09 (chín) năm tù,thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2020. Phạt tiền bị cáo Hà Thị L 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 08 (tám) năm tù,thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2020.P hạt tiền bị cáo Nguyễn Trọng T 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Dương Thị Kiều T1 07 (bảy) năm tù,thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2020. Phạt tiền bị cáo Dương Thị Kiều T1 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số: 468 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật số: 465 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số: 468 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, 04 bình thủy tinh sử dụng ma túy đá, 01 cân điện tử vỏ màu trắng, 20 vỏ túi nilon và 01 hộp giấy cứng màu trắng đỏ. Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại Samsung màu xanh đen đã cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại Samsung màu xanh đen đã cũ đã qua sử dụng mặt kính bị vỡ, 01 điện thoại Iphone vỏ màu trắng hồng, đã cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone 6s màu trắng hồng đã cũ, đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Hà Văn A số tiền 13.700.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý số tiền này để đảm bảo thi hành án cho bị cáo A. Trả lại bị cáo Nguyễn Trọng T số tiền 1.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý số tiền này để đảm bảo thi hành án

cho bị cáo T. Trả lại bị cáo Dương Thị Kiều T1 số tiền 1.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý số tiền này để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T1.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hà Văn A, Hà Thị L, Nguyễn Trọng T và Dương Thị Kiều T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Hà Văn A, Hà Thị L, Nguyễn Trọng T và Dương Thị Kiều T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- CA tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Bằng